

Bản án số: 03/2024/HNGĐ-ST
Ngày: 28/3/2024
V/v Ly hôn, nuôi con chung sau
ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẮC KẠN

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Vi Thị Tuyết Mai

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Hà Thanh Oai

Bà Ngô Thị Hoanh

Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Hoàng Đạt – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Kạn.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Kạn tham gia phiên tòa: Bà Hoàng Ánh Dương - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 3 năm 2024 tại Hội trường xét xử Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Kạn xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 02/2024/TLST-HNGĐ ngày ngày 02 tháng 02 năm 2024 về việc: “*Ly hôn, nuôi con chung sau ly hôn*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 02/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 11 tháng 3 năm 2024 giữa các đương sự:

* ***Nguyên đơn:*** Chị **Nông Thị L** – Sinh năm: 1990. Địa chỉ: Thôn N, xã Đ, huyện B, tỉnh Bắc Kạn. Vắng mặt, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

* ***Bi đơn:*** Anh **Châu Thế Đ** – Sinh năm: 1988. Địa chỉ ở Việt Nam trước khi xuất cảnh: Phường A, quận B, thành phố Hồ Chí Minh. Nơi ở hiện nay: Đường phố bờ biển, 117-121 Tòa nhà L1, tầng 11G, M (Ma Cao). Vắng mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện ngày 29/01/2014, bản tự khai, biên bản lấy lời khai, nguyên đơn chị Nông Thị L trình bày:

Chị và anh Châu Thế Đ kết hôn trên cơ sở tự nguyện, được tổ chức cưới theo phong tục truyền thống và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện B, tỉnh Bắc Kạn theo Giấy chứng nhận kết hôn số 21, quyển số 01/2014, cấp ngày 14/9/2014. Sau khi kết hôn, thời gian đầu cuộc sống vợ chồng hạnh phúc nhưng sau đó đã phát sinh nhiều mâu thuẫn về tình cảm và có nhiều điểm bất đồng trong cuộc sống. Việc vợ chồng mâu thuẫn đã gây ảnh hưởng đến môi trường sống của con, vợ chồng đã nhiều lần hàn gắn nhưng đều không thành và hiện nay đã ly thân, chị ở Việt Nam, còn anh Đ đang sinh sống và làm việc ở Ma

Cao, Trung Quốc. Nay xác định tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Châu Thế Đ

Về con chung: Trong thời kỳ hôn nhân chị và anh Đ có 01 con chung là Châu Huệ M, sinh ngày 21/06/2014, giới tính: Nữ. Hiện nay cháu đang sinh sống cùng với chị, khỏe mạnh, phát triển bình thường. Do anh Đ hiện nay đang sinh sống và làm việc tại Ma Cao nên khi ly hôn chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cháu M cho đến khi cháu M đủ 18 tuổi

Về cấp dưỡng nuôi con: Chị không yêu cầu anh Đ cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về các thủ tục tố tụng tại Tòa án: Do mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, cuộc sống chung không thể kéo dài, hiện nay do tính chất công việc và nơi sinh sống của anh Đ ở nước ngoài. Do vậy, chị và anh Đ đã thỏa thuận Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Kạn là nơi giải quyết vụ việc ly hôn của anh chị và đề nghị Tòa án: Giải quyết vắng mặt chị trong toàn bộ quá trình giải quyết vụ việc; Không tiến hành hòa giải theo quy định của Luật hòa giải, đối thoại tại Tòa án và Điều 207 của Bộ luật tố tụng dân sự; Tiến hành mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và phiên tòa xét xử vụ án trước các mốc thời gian theo quy định tại Điều 476 của Bộ luật tố tụng dân sự

Tại các văn bản trình bày ý kiến, bản tự khai trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn anh Châu Thế Đ trình bày:

Anh Đ nhất trí với nội dung trình bày của chị Nông Thị L về quan hệ hôn nhân, con chung, tài sản chung và nợ chung cụ thể:

Anh và chị L kết hôn với nhau năm 2014, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện B, tỉnh Bắc Kạn theo giấy chứng nhận kết hôn số 21, quyền số 01/2014, cấp ngày 14/9/2014 trên cơ sở tự nguyện, có tổ chức cưới theo phong tục truyền thống. Sau khi kết hôn, thời gian đầu cuộc sống vợ chồng hạnh phúc. Tuy nhiên sau này thường xuyên xảy ra mâu thuẫn về vấn đề tình cảm và có nhiều điểm bất đồng trong cuộc sống. Anh và chị L đã nhiều lần hàn gắn với nhau nhưng đều không thành. Hiện tại anh và chị L đã ly thân, chị L ở Việt Nam, còn anh đang sinh sống và làm việc ở Ma Cao, Trung Quốc. Nay xác định tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, anh Đ nhất trí với yêu cầu khởi kiện của chị L, đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Kạn giải quyết cho anh và chị L được ly hôn.

Về con chung: Trong thời kỳ hôn nhân anh và chị L có 01 con chung là Châu Huệ M, sinh ngày 21/06/2014, giới tính: Nữ. Do hiện nay anh đang sinh sống và làm việc tại Ma Cao nên khi ly hôn anh nhất trí với yêu cầu của chị L, đề nghị Tòa án giải quyết cho chị L trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cháu M cho đến khi cháu M đủ 18 tuổi.

Về cấp dưỡng nuôi con: Anh không cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung và nợ chung: Anh thống nhất với ý kiến của chị L, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về các thủ tục tố tụng tại Tòa án: Do mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, cuộc sống chung không thể kéo dài, hiện nay do tính chất công việc và nơi sinh sống ở nước ngoài, nên anh không thể có mặt trực tiếp tham gia quá trình Tòa án giải quyết vụ việc ly hôn và để sớm ổn định cuộc sống, anh đề nghị:

- Giải quyết vắng mặt anh trong toàn bộ quá trình giải quyết vụ việc.
- Không tiến hành hòa giải theo quy định của Luật hòa giải, đối thoại tại Tòa án và Điều 207 của Bộ luật tố tụng dân sự.
- Tiến hành mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và phiên tòa xét xử vụ án trước thời gian theo quy định tại Điều 476 của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Ủy quyền cho anh Nguyễn Văn L2 – Sinh năm 1977. (Căn cước công dân số: 006077001670, ngày cấp: 15/9/2022, nơi cấp: Cục cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội). Địa chỉ: Thôn N, xã B, huyện B, tỉnh Bắc Kạn đại diện cho anh nộp và tiếp nhận các văn bản tố tụng, hồ sơ, tài liệu liên quan đến việc giải quyết ly hôn, thời hạn ủy quyền: Cho đến khi kết thúc việc giải quyết ly hôn của anh và chị L.

- Vì lý do công việc và nơi sinh sống của anh hiện ở nước ngoài, nên anh và chị L đã thống nhất thỏa thuận lựa chọn Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Kạn là Tòa án nơi cư trú của nguyên đơn giải quyết vụ việc ly hôn của anh chị theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự. Việc thỏa thuận lựa chọn Tòa án giải quyết của anh và chị L là hoàn toàn tự nguyện.

Tại biên bản về việc hỏi ý kiến con chung ngày 05/02/2024, cháu Châu Huệ M trình bày:

Cháu Châu Huệ M là con chung của chị Nông Thị L và anh Châu Thế Đ, hiện nay, bố cháu là anh Đ đang sinh sống và làm việc tại Ma Cao, Trung Quốc nên khi bố mẹ ly hôn, cháu có nguyện vọng được sống cùng mẹ là chị Nông Thị L vì từ khi bố cháu đi làm việc ở nước ngoài, cháu ở cùng mẹ, mẹ là người nuôi dưỡng, chăm sóc và dạy dỗ cháu.

Tại Biên bản làm việc ngày 02/02/2024, anh Nguyễn Văn L2. Địa chỉ: Thôn N, xã B, huyện B, tỉnh Bắc Kạn trình bày:

Tại văn bản đồng ý thỏa thuận lựa chọn Tòa án giải quyết, trình bày ý kiến về vụ việc ly hôn và ủy quyền tiếp nhận văn bản tố tụng của anh Châu Thế Đ đã ủy quyền cho anh nộp hồ sơ ly hôn, nộp án phí, lệ phí, nhận toàn bộ các văn bản tố tụng của Tòa án, anh hoàn toàn nhất trí với nội dung ủy quyền của anh Đ và cam kết thực hiện đầy đủ, đúng quy định các nội dung đã nhận ủy quyền.

Tại phiên tòa:

- Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt
- Đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm về việc giải quyết vụ án:

Về thủ tục tố tụng:

Việc chấp hành pháp luật của những người tiến hành tố tụng, người tham gia tố tụng từ khi thụ lý vụ án đến trước khi nghị án tuân theo đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

Về thẩm quyền: Đây là vụ án có yếu tố nước ngoài, nguyên đơn cư trú tại tỉnh Bắc Kạn, nguyên đơn bị đơn thỏa thuận lựa chọn Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Kạn giải quyết, vì vậy Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Kạn thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền. Về thời hạn xét xử: Theo thông báo thụ lý vụ án, Tòa án ấn định thời gian mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải vào ngày 02/8/2024 và thời gian mở phiên tòa vào ngày 04/11/2024 là đúng thời hạn quy định tại Điều 476 của Bộ luật tố tụng dân sự. Tuy nhiên, quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã thu thập đầy đủ tài liệu chứng cứ, các đương sự đã giao nộp đầy đủ tài liệu chứng cứ. Mặt khác các đương sự đều đề nghị Tòa án: Không tiến hành hòa giải theo quy định của Luật hòa giải, đối thoại tại Tòa án và Điều 207 của Bộ luật tố tụng dân sự, tiến hành mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và phiên tòa xét xử vụ án trước các mốc thời gian theo quy định tại Điều 476 của Bộ luật tố tụng dân sự để sớm ổn định cuộc sống. Do vậy việc Tòa án mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, phiên tòa xét xử trước các mốc thời gian đã ấn định tại Thông báo thụ lý vụ án sớm hơn quy định là đúng pháp luật.

Về nội dung vụ án:

Về quan hệ hôn nhân: Xét thấy tình cảm vợ chồng giữa chị L và anh Đ không còn nên việc chị L và anh Đ xin được ly hôn là có căn cứ cần được chấp nhận.

Về con chung: Trong thời kỳ hôn nhân anh Đ và chị L có 01 con chung là cháu Châu Huệ M, sinh ngày 21/06/2014, giới tính: Nữ. Xét thấy, từ ngày anh Đ sinh sống, làm việc tại Ma Cao, cháu M đã ở với mẹ được mẹ quan tâm, chăm sóc, hơn nữa mẹ cháu có chỗ ở và thu nhập ổn định nên đảm bảo lợi ích về mọi mặt của cháu M, theo quy định của Luật Hôn nhân và gia đình, cần giao cháu M cho chị L trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng là phù hợp.

Về tài sản chung và nợ chung: Chị L và anh Đ không yêu cầu Tòa án giải quyết

Về án phí, đương sự phải chịu án phí theo quy định của pháp luật

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng

[1.1] Về thẩm quyền giải quyết: Nguyên đơn cư trú tại tỉnh Bắc Kạn, hiện nay bị đơn đang sinh sống và làm việc tại Ma Cao, Trung Quốc, các đương sự thống nhất thỏa thuận lựa chọn Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Kạn là Tòa án cư trú của nguyên đơn giải quyết vụ việc ly hôn. Do vậy có đủ căn cứ xác định đây là

vụ án Hôn nhân gia đình có yếu tố nước ngoài. Việc Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Kạn thụ lý, giải quyết vụ án là phù hợp quy định tại các Điều 28, 37, 39, 469/Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[1.2] Về sự vắng mặt của đương sự trong quá trình giải quyết vụ án và phiên tòa xét xử: Hiện nay bị đơn đang sinh sống và làm việc tại nước ngoài không thể về Việt Nam tham gia tố tụng, vì vậy vụ án thuộc trường hợp không hòa giải được. Quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn, bị đơn đều đề nghị xét xử vắng mặt. Do vậy việc Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Kạn giải quyết và xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn là phù hợp quy định của pháp luật tại Điều 228, khoản 5 Điều 477, Điều 478 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[1.3] Về việc ủy quyền nhận các văn bản tố tụng của Tòa án: Bị đơn anh Châu Thế Đ ủy quyền cho anh Nguyễn Văn L2 nhận các văn bản tố tụng của Tòa án, anh L2 nhất trí nhận ủy quyền của của bị đơn và cam kết thực hiện đầy đủ, đúng quy định các nội dung nhận ủy quyền. Do vậy Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Kạn sẽ thực hiện việc tổng đạt các văn bản tố tụng cho bị đơn theo quy định tại Điều 474/Bộ luật tố tụng dân sự.

[1.4] Về thời hạn giải quyết vụ án: Theo Thông báo thụ lý vụ án, Tòa án ấn định thời gian mở phiên họp về kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ vào ngày 02/8/2024, thời gian mở phiên tòa vào ngày 04/11/2024 là đúng thời hạn quy định tại Điều 476 của Bộ luật tố tụng dân sự. Tuy nhiên, quá trình giải quyết vụ án, các đương sự đều đề nghị Tòa án mở phiên họp về kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và mở phiên tòa trước các mốc thời hạn Tòa án đã ấn định. Mặt khác chị L và anh Đ đều được tiếp cận đầy đủ các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và cũng đã cung cấp cho Tòa án đầy đủ tài liệu, chứng cứ. Do vậy, việc Tòa án mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và phiên tòa xét xử trước các mốc thời gian đã ấn định tại Thông báo thụ lý vụ án không ảnh hưởng đến quyền và nghĩa vụ của các đương sự trong vụ án.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Hội đồng xét xử thấy:

Chị L và anh Đ kết hôn trên cơ sở tự nguyện, được tổ chức cưới theo phong tục truyền thống, không vi phạm các điều kiện kết hôn và được UBND xã Đ, huyện B, tỉnh Bắc Kạn cấp Giấy chứng nhận kết hôn số 21, quyển số 01/2014, ngày 14/9/2014. Vì vậy hôn nhân giữa chị L và anh Đ được xác định là hôn nhân hợp pháp. Về tình cảm vợ chồng: Thời gian đầu cuộc sống vợ chồng hòa thuận, hạnh phúc, tuy nhiên sau đó đã xảy ra nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng trong cuộc sống, vợ chồng đã sống ly thân với nhau. Mặc dù cả hai vợ chồng đã rất cố gắng, gia đình cùng can thiệp nhưng vẫn không thể hòa giải được với nhau. Cả chị L và anh Đ đều xác định mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, không thể hàn gắn, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được và có nguyện vọng được ly hôn. Căn cứ khoản 1 Điều 56/ Luật Hôn nhân và gia đình. Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Nông Thị L, xử cho chị L được ly hôn với anh Châu Thế Đ.

[2.2] Về con chung: Chị L và anh Đ đều xác định trong thời kỳ hôn nhân hai anh chị có 01 con chung là Châu Huệ M, sinh ngày 21/06/2014, giới tính: Nữ. Hiện nay cháu M đang sinh sống cùng mẹ tại địa chỉ: số G, đường K, thôn Y, xã K, huyện H, thành phố Hà Nội.

Khi ly hôn, chị L yêu cầu được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu M, bản thân cháu M cũng có ý kiến khi bố mẹ ly hôn cháu muốn ở với mẹ vì từ khi bố cháu đi làm việc ở nước ngoài, cháu ở cùng mẹ, mẹ là người nuôi dưỡng, chăm sóc và dạy dỗ cháu. Anh Đ nhất trí với yêu cầu của chị L, chị L có thu nhập trung bình 7.000.000 đồng/01 tháng. Hội đồng xét xử thấy, yêu cầu của nguyên đơn và ý kiến của bị đơn về việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung là hoàn toàn tự nguyện và phù hợp với thực tế bởi chị L hiện nay đang sinh sống tại Việt Nam, có việc làm, thu nhập ổn định nên có đủ điều kiện để trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung cho đến khi con đủ 18 tuổi và cũng là phù hợp với nguyện vọng của cháu Châu Huệ M là được sống cùng mẹ, hơn nữa từ ngày anh Đ sinh sống, làm việc tại Ma Cao, cháu M đã ở với mẹ được mẹ quan tâm, chăm sóc, đảm bảo lợi ích về mọi mặt của cháu M, còn anh Đ đang sinh sống và làm việc tại Ma Cao nên không thể trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con. Do vậy căn cứ Điều 81/Luật Hôn nhân và gia đình. Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị L về việc được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung Châu Huệ M cho đến khi con đủ 18 tuổi.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Chị L cũng không yêu cầu anh Đ cấp dưỡng nuôi con chung nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Theo quy định tại Điều 82/Luật Hôn nhân và gia đình. Sau khi ly hôn anh Đ có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được cản trở

[2.3] Về tài sản chung và nợ chung: Cả nguyên đơn và bị đơn đều không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản chung và nợ chung, do vậy Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Về án phí: Nguyên đơn chị Nông Thị L phải chịu 300.000^d (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 56, Điều 57, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 122, Điều 123 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014; Điều 28, Điều 37, Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 228, Điều 469, Điều 474, Điều 475, Điều 476, khoản 5 Điều 477, Điều 478, Điều 479 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án:

Tuyên xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Nông Thị L cụ thể:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Nông Thị L được ly hôn với anh Châu Thế Đ

2. Về con chung: Giao con chung Châu Huệ M, sinh ngày 21/06/2014, giới tính: Nữ cho chị Nông Thị L trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cho đến khi con chung đủ 18 tuổi.

Sau khi ly hôn anh Đ có quyền và nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được cản trở.

Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung: Chị L không yêu cầu Tòa án giải quyết.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về án phí: Chị Nông Thị L phải chịu 300.000^d (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm chị L đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí tòa án số 0000020 ngày 02 tháng 02 năm 2024 của Cục thi hành án dân sự tỉnh Bắc Kạn.

“Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7, và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự”

Án xử công khai sơ thẩm vắng mặt nguyên đơn, bị đơn. Bị đơn ở nước ngoài có quyền kháng cáo trong thời hạn 01 tháng kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật. Nguyên đơn có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết./.

Nơi nhận:

- TAND cấp cao tại Hà Nội
- VKSND tỉnh;
- Các đương sự
- Cục THADS tỉnh Bắc Kạn (khi BA có HLPL);
- UBND xã Địa Linh (khi BA có HLPL);
- Lưu tổ HCTP, HSVA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Vi Thị Tuyết Mai